

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19/6/2025

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Q

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị H

2. Ông Nguyễn Văn Q

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Kim C - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 180/2025/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025 về việc “*Ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2025/QĐXX – ST ngày 19 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T – sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn M, xã Đ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Bùi Quang Q – Sinh năm 1982

Địa chỉ: SN 08/33 H, phường Đ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Quang Q kết hôn với nhau năm 2024 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn đến tháng 12/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Mặt khác, anh Q còn không tu trí làm ăn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2024 đến nay không ai quan T đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 31/3/2025 anh Bùi Quang Q trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố Thanh Hóa vào ngày 29/8/2024. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2024 đến nay không ai còn quan T đến ai. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị T làm đơn xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh Bùi Quang Q theo quy định của pháp luật nhưng anh Q không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Thu thập chứng cứ tại địa phương: Anh Bùi Quang Q và chị Lê Thị T kết hôn với nhau năm 2024, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và chung sống với nhau tại địa phương. Quá trình vợ chồng chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân như thế nào thì địa phương không nắm được; Về con chung: Anh Q và chị T không có con chung; Về tài sản công nợ của anh chị địa phương không nắm được. Đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Tại phiên tòa vắng mặt anh Q. Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung thêm nội dung nào khác.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn, đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên đề nghị Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS để xét xử. Về yêu cầu khởi kiện: đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Bùi Quang Q có địa chỉ tại thành phố Thanh Hóa, nên Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Bùi Quang Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS để xét xử.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Lê Thị T và anh Bùi Quang Q kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Q thấy rằng: hôn nhân muốn tồn tại trước hết vợ chồng phải thương yêu, có trách nhiệm với nhau, cùng nhau xây dựng kinh tế, hạnh phúc gia đình. Qua xem xét lời khai của chị T, anh Q, cung cấp của chính quyền địa phương nơi anh chị sinh sống thể hiện: vợ chồng chị T anh Q mới kết hôn với nhau, nhưng chung sống không có hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 12/2024 đến nay, vợ chồng không quan T nhau, không ai muốn nín giữ hôn nhân. Khi chị T làm đơn xin ly hôn, anh Q đồng ý vì vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Do vậy, HĐXX có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Q đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh Bùi Quang Q

[3] *Về con chung*: Chị T anh Q không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về tài sản, công nợ*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1.1 điều 1 phần I, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, chị Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, Điều 27, khoản 1. 1 Điều 1 phần II, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Bùi Quang Q.

Về con chung: Chị T anh Q không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Án phí: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002296 ngày 06/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, chị T đã nộp đủ tiền án phí DSST.

Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA DS TP.Thanh Hoá;
- UBND P. Đông Vệ, Tp Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Thị Q

Nguyễn Văn Quý

Nguyễn Hồng Vân

Trương Thị Quỳnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huệ

Phạm Văn Hào

Nguyễn Thị Thương

